

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN PHƯỚC LONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN PHƯỚC LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CT TNHH XNK NÔNG SẢN PHƯỚC LONG

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3801161269

**3. Ngày thành lập:** 30/11/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

thửa đất số 253, tờ bản đồ số 21, Khu phố 2, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0977110011

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng cây cao su                                                                                                                                                           | 0125     |
| 2.  | Trồng cây cà phê                                                                                                                                                           | 0126     |
| 3.  | Trồng cây chè                                                                                                                                                              | 0127     |
| 4.  | Chế biến và bảo quản rau quả<br>Chi tiết: Chế biến và đóng hộp rau quả                                                                                                     | 1030     |
| 5.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất, chế biến các sản phẩm từ điều, cà phê, chè và hạt tiêu ( không sản xuất , gia công tại trụ sở chính) | 1079     |
| 6.  | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản<br>( không sản xuất , gia công tại trụ sở chính)                                                                             | 1080     |
| 7.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa                                                                       | 5022     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa                                                                                | 5229     |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng ( trừ hoạt động bên thủy nội địa)                                           | 4663     |
| 10. | Xây dựng nhà các loại<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp                                                                                             | 4100     |
| 11. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng cầu đường                                                                                                  | 4210     |
| 12. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                 | 7710     |
| 13. | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác<br>Chi tiết: Trồng cây nông - lâm sản                                                                                              | 0112     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Trồng cây điều                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0123        |
| 15. | Trồng cây hồ tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 0124        |
| 16. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su<br>( không sản xuất , gia công tại trụ sở chính)                                                                                                                                                                                                                                                 | 2212        |
| 17. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi                                                                                                                                                                                                                                              | 4290        |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312        |
| 19. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4511        |
| 20. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng) | 4620(Chính) |
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Mua bán trang trí nội, ngoại thất, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ                                                                                                                                                                                                                   | 4649        |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị văn phòng                                                                                                                                                                                                                                  | 4659        |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                               | 4931        |
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4932        |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô                                                                                                                                                                                                                                                            | 4933        |

**6. Vốn điều lệ:** 4.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM THỊ NGỌC MAI | Khu phố Bình Quới B, Phường Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam   | 980.000.000           | 20,000    | 280953637                                                                                                                                         |         |

|   |                      |                                                                                         |               |        |          |  |
|---|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|----------|--|
| 2 | NGÔ<br>TRONG<br>HIẾU | Khu phố 8, Phường<br>Hiệp An, Thành phố<br>Thủ Dầu Một, Tỉnh<br>Bình Dương, Việt<br>Nam | 3.020.000.000 | 80,000 | B4395035 |  |
|---|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|----------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THỊ NGỌC MAI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 10/12/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 280953637

Ngày cấp: 22/02/2017

Nơi cấp: Công an Bình Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố Bình Quới B, Phường Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu phố Bình Quới B, Phường Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước